



**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

**LÊ THỊ MƠ**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG  
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN,  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ  
KINH TẾ PHÁT TRIỂN**

**Mã số: 60.31.01.05**

**Đà Nẵng - 2017**

Công trình được hoàn thành tại  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐN**

**Người hướng dẫn KH: TS. NGUYỄN HIỆP**

Phản biện 1: TS. Lê Dân

Phản biện 2: PGS.TS. Bùi Đức Tính

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Phát triển họp tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 19 tháng 8 năm 2017

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Những thập niên gần đây, quá trình hoạt động CNH, HĐH, quá trình đô thị hóa cùng với sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, nền kinh tế đã có bước tăng trưởng vượt bậc. Tuy nhiên, cùng với đó, chúng ta cũng đang đối mặt với không ít các thách thức trong phát triển theo hướng bền vững, trong đó có các vấn đề môi trường.

Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môi trường cũng như những tác hại do ô nhiễm môi trường đem lại, những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về BVMT. Có thể nói, BVMT đã trở thành một vấn đề hết sức quan trọng, là một trong những mục tiêu chính nằm trong chính sách chiến lược của quốc gia.

Quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng là một địa phương có xuất phát điểm về kinh tế thấp, hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế. Để kinh tế phát triển bền vững, phân đầu xây dựng quận Ngũ Hành Sơn trở thành *quận môi trường*, đô thị du lịch, dịch vụ kiểu mẫu, phát huy thế mạnh phát triển Làng nghề đá mỹ nghệ truyền thống, cần rà soát, đánh giá lại tình hình thực hiện công tác QLNN về môi trường trong thời gian qua, những thành tựu cũng như những tồn tại, hạn chế cần khắc phục, từ đó đề ra các giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả công tác QLNN về môi trường trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn.

Xuất phát từ những nội dung trên, việc chọn thực hiện nghiên cứu đề tài “*Quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng*” là hết sức cần thiết và cấp bách.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận về QLNN về môi trường.

- Tìm hiểu thực trạng QLNN về môi trường trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng và đánh giá những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế.

- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác QLNN về môi trường trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến QLNN về môi trường trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu công tác QLNN về môi trường trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Về không gian: Tại quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

- Về thời gian: Trong giai đoạn 2011 – 2015.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, đề tài kết hợp sử dụng nhiều phương pháp như: Phương pháp thu thập dữ liệu nghiên cứu, phương pháp phân tích,...

### **5. Kết cấu của luận văn**

Nội dung luận văn được kết cấu thành 3 chương:

*Chương 1:* Cơ sở lý luận về quản lý nhà nước về môi trường.

*Chương 2:* Thực trạng quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

*Chương 3:* Giải pháp đẩy mạnh quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

### **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

## **CHƯƠNG 1**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG**

#### **1.1. TỔNG QUAN VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG**

##### **1.1.1. Khái niệm môi trường**

“Môi trường là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật”. “Thành phần môi trường là yếu tố vật chất tạo thành môi trường gồm đất, nước, không khí, âm thanh, ánh sáng, sinh vật và các hình thái vật chất khác” (Khoản 1 và Khoản 2, Điều 3 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014).

##### **1.1.2. Khái niệm quản lý nhà nước về môi trường**

“Quản lý nhà nước về môi trường xác định rõ chủ thể là Nhà nước, bằng chức trách nhiệm vụ và quyền hạn của mình đưa ra các biện pháp, luật pháp, chính sách kinh tế, kỹ thuật, xã hội thích hợp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường sống và phát triển bền vững kinh tế - xã hội” (Giáo trình Luật Môi trường, Trường Đại học Luật Hà Nội, NXB Công an Nhân dân năm 2011).

##### **1.1.3. Nguyên tắc quản lý nhà nước về môi trường**

- Hướng công tác QLMT tới sự phát triển bền vững kinh tế xã hội, giữ cân bằng giữa phát triển và BVMT.

- Kết hợp các mục tiêu quốc gia – quốc tế - vùng lãnh thổ và cộng đồng dân cư trong việc QLMT .

- Quản lý môi trường cần được thực hiện bằng nhiều biện pháp và công cụ tổng hợp đa dạng và thích hợp.

- Phòng ngừa tai biến, suy thoái môi trường cần được ưu tiên hơn để chủ động trong việc xử lý, kiểm soát, phục hồi môi trường

nếu gây ra sự cố ô nhiễm môi trường.

- Người gây ô nhiễm phải trả tiền cho các tổn thất do ô nhiễm môi trường gây ra và các chi phí xử lý, hồi phục MT bị ô nhiễm. Người sử dụng các thành phần MT phải trả tiền cho việc sử dụng gây ra ô nhiễm đó.

#### **1.1.4. Vai trò của quản lý nhà nước về môi trường**

- Nhà nước bằng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, với việc nghiêm cấm mọi hành vi gây ô nhiễm môi trường cũng như các chế tài xử lý và với bộ máy thanh, kiểm tra của mình để buộc mọi cá nhân và tổ chức phải chấp hành pháp luật, có những hành động tôn trọng và BVMT.

- Nhà nước thông qua việc đưa ra các chính sách kinh tế, tác động đến chi phí và lợi ích trong hoạt động của các cá nhân và tổ chức kinh tế từ đó ảnh hưởng đến hành vi của các tác nhân kinh tế theo hướng có lợi cho môi trường

- Nhà nước thông qua việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của BVMT để thay đổi hành vi của họ đối với môi trường theo hướng có lợi cho môi trường.

## **1.2. NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG**

### **1.2.1. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về môi trường**

Là nội dung quan trọng hàng đầu của QLMT. Đó là một hệ thống các biện pháp được thực hiện dưới dạng quy phạm pháp luật về môi trường dựa trên căn cứ pháp lý là Luật BVMT và những quy định của các cơ quan, tổ chức nhà nước trong việc hướng dẫn, chỉ đạo BVMT, kiểm soát ô nhiễm, đánh giá và báo cáo môi trường...thông qua việc ban hành theo thẩm quyền và tổ chức triển khai thi hành, chỉ đạo thực hiện các quyết định, chỉ thị, kế hoạch và

các văn bản hướng dẫn trong phạm vi quản lý.

Tổ chức thực hiện các văn bản nhằm quản lý hoạt động BVMT của các xã, phường trên địa bàn và giao cho các xã, phường tổ chức tự quản về giữ gìn vệ sinh môi trường, quản lý lĩnh vực môi trường.

### **1.2.2. Xây dựng đề án, kế hoạch bảo vệ môi trường**

Căn cứ quy hoạch, kế hoạch, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn quận đã được phê duyệt, chủ động lập kế hoạch quản lý môi trường của địa phương trình UBND thành phố phê duyệt; lập kế hoạch cho các dự án đầu tư xây dựng công trình quản lý và xử lý chất thải; hướng dẫn các xã, phường lập dự án và tổ chức thực hiện.

Đề xuất chương trình kế hoạch, quy hoạch để đạt được mục tiêu về quản lý, xử lý chất thải; tăng cường khả năng thu gom và xử lý CTR góp phần bảo đảm vệ sinh môi trường đô thị, nông thôn toàn thành phố.

### **1.2.3. Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường**

#### ***a. Tổ chức đăng ký bản cam kết BVMT***

Bản cam kết BVMT là tiến hành dự báo đánh giá những tác động tiềm tàng tích cực và tiêu cực, trực tiếp hoặc gián tiếp mà việc thực hiện dự án có thể gây ra cho môi trường và được lập dựa trên căn cứ điều kiện tự nhiên kỹ thuật của dự án.

Các cá nhân, tổ chức là chủ dự án, chủ cơ sở hoạt động trên địa bàn hoặc chủ đầu tư của các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc đối tượng phải lập dự án đầu tư nhưng có phát sinh chất thải sản xuất đều phải lập và đăng kí bản cam kết BVMT.

#### ***b. Quản lý và xử lý chất thải***

Quản lý và xử lý chất thải là công tác quản lý phương án thu

gom vận chuyển, phương thức xử lý chất thải cũng như phương án BVMT của mỗi dự án sản xuất công nghiệp, của các chủ đầu tư sản xuất và của các hộ gia đình sao cho phù hợp với loại chất thải, tính chất đô thị và vùng nông thôn.

### ***c. Kiểm soát ô nhiễm làng nghề***

Đó là việc các tổ chức hoạt động BVMT và kiểm soát sự tác động tiêu cực đến chất lượng môi trường, được tổ chức thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, phù hợp với mục tiêu phát của làng nghề nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu đến mức tối đa các tác động tiêu cực đến con người, các hệ động thực vật, qua đó cải thiện môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng tại các khu vực làng nghề.

### ***d. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về BVMT; nâng cao nhận thức BVMT***

Nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục phù hợp với các thành phần, đối tượng tham gia; gắn nghĩa vụ và trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân trong công tác BVMT nhằm nâng cao nhận thức và giáo dục cộng đồng về sức khỏe, vệ sinh môi trường và thực hiện nếp sống vệ sinh. Chú trọng việc tạo cơ hội cho mọi thành phần trong xã hội tham gia vào việc BVMT, xã hội hoá công tác BVMT.

## **1.2.4. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong BVMT**

### ***a. Thanh tra, kiểm tra giám sát xử lý vi phạm và các điểm nóng về MT***

Thanh tra, kiểm tra BVMT là hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về BVMT; thanh tra, kiểm tra để xác định trách nhiệm phải xử lý về môi trường đối với trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân hoạt động trong một vùng mà có gây sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường; thanh tra, kiểm tra để giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về BVMT.



***b. Thanh tra trách nhiệm QLNN về BVMT và giải quyết khiếu nại, tố cáo về MT***

- Kết hợp việc thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật của các hoạt động sản xuất, kinh doanh với kiểm tra, rà soát trách nhiệm QLNN về MT đối với cấp cơ sở.

- Hoà giải, giải quyết các tranh chấp, xung đột, khiếu nại, tố cáo về MT phát sinh trên địa bàn giữa các cơ quan, trong nhân dân theo quy định của pháp luật về hoà giải.

**1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG**

**1.3.1. Thực trạng chất lượng môi trường và nhu cầu bảo vệ môi trường tại địa phương**

**1.3.2. Các yếu tố môi trường chính trị, kinh tế, xã hội và công nghệ**

**1.3.3. Chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước về môi trường và quản lý nhà nước cấp cao hơn về môi trường**

**1.3.4. Năng lực quản lý của bộ máy QLNN về môi trường**

**1.4. KINH NGHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG**

**1.4.1. Kinh nghiệm thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam**

**1.4.2. Kinh nghiệm thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi**

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

#### 2.1. TỔNG QUAN VỀ QUẬN NGŨ HÀNH SƠN

##### 2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Quận Ngũ Hành Sơn nằm về phía Đông Nam thành phố Đà Nẵng có tọa độ 16°04' độ vĩ Bắc, 108°15' độ kinh Đông, cách trung tâm thành phố 8km; phía Đông giáp biển Đông với bờ biển dài 12km, phía Tây giáp quận Cẩm Lệ và quận Hải Châu, phía Bắc giáp quận Sơn Trà, phía Nam giáp xã Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam. Tổng diện tích tự nhiên của toàn quận là 3.911,7818 ha, dân số 72.665 người.

##### 2.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội

###### *a. Tình hình tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế*

Phát triển kinh tế của quận theo cơ cấu “*Dịch vụ - Công nghiệp – Nông nghiệp*”. Tức giá trị sản xuất có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành Nông nghiệp – Thủy sản từ 10,82% vào năm 2011 xuống còn 4,83% năm 2015; giá trị sản xuất ngành Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp – Xây dựng cơ bản chiếm tỷ trọng 44,06% vào năm 2011 xuống còn 32,69% năm 2015; ngành Dịch vụ chiếm tỷ trọng đáng kể và tăng từ 45,12% năm 2011 lên 62,48% vào năm 2015.

###### *b. Dân số, lao động, việc làm, thu nhập và đời sống nhân dân*

Năm 2012, dân số của toàn quận là 72.665 người, tốc độ tăng dân số 15,34%. Mật độ dân số là 1.857 người/km<sup>2</sup>. Nguồn lao động

chiếm hơn 66,26% dân số của quận, nguồn nhân lực rất dồi dào. Chủ yếu là lao động trẻ, khỏe, đã qua đào tạo chiếm tỷ lệ cao của lao động. Thu nhập và đời sống của các tầng lớp nhân dân ở các vùng đều được cải thiện với mức độ khác nhau. Đề án giảm nghèo của quận được xây dựng theo giai đoạn 2013 – 2017 với số lượng hộ nghèo là 2.257, đến cuối năm 2015 không còn hộ nghèo theo chuẩn quy định của thành phố.

## **2.2. HIỆN TRẠNG CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG TẠI QUẬN NGŨ HÀNH SƠN**

### **2.2.1. Hiện trạng môi trường nước, không khí, đất và chất thải rắn**

#### ***a. Môi trường nước***

*Nước sông:* Kết quả phân tích chất lượng nước sông cỏ Cò năm 2011 - 2012 cho thấy thường bị nhiễm mặn vào mùa hè nhưng vẫn trong mức độ an toàn. Từ năm 1998 đến nay, tình trạng nhiễm mặn nước sông thường xảy ra vào các tháng mùa khô trên diện rộng ở hạ lưu các con sông dẫn đến tình trạng thiếu nước ngọt cung cấp cho khu vực nội thị.

*Nước biển ven bờ:* Nhìn chung không ô nhiễm nhiều, tuy vậy có một số vị trí gần các cống thải nước thải sinh hoạt tại khu vực bãi biển bị ô nhiễm coliform tương đối cao.

*Nước hồ:* Chất lượng nước hồ trong các năm qua được đánh giá là bị ô nhiễm bởi chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>, COD), mức độ vượt tiêu chuẩn từ 1÷3 lần

*Nước ngầm:* Chất lượng nước ngầm ở quận Ngũ Hành Sơn hiện tại chưa có dấu hiệu ô nhiễm, đảm bảo dùng cho sinh hoạt và công nghiệp.

### ***b. Môi trường không khí***

Môi trường không khí của quận tương đối tốt, chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm. Tại đây ô nhiễm chủ yếu là ô nhiễm bụi tại các nút giao thông và lân cận các cơ sở công nghiệp, đặc biệt là ở làng nghề Non Nước.

### ***c. Môi trường đất***

Quá trình phát triển KT – XH, xây dựng cơ sở hạ tầng và tình trạng đô thị hoá ở tốc độ cao trong những năm gần đây không những làm thay đổi diện tích các loại đất trên mà còn ảnh hưởng đến các tính chất vật lý và hoá học của đất. Những tác động về vật lý như xói mòn, khai thác khoáng sản, sản xuất, san lấp để xây dựng... Tác động về mặt hóa học bao gồm: chất thải rắn quản lý không tốt, nước thải, khí thải và đặc biệt là chất thải nguy hại.

### ***d. Chất thải rắn***

CTR gia tăng nhanh chóng. Ước tính toàn quận thải ra khoảng 70 tấn chất thải rắn mỗi ngày, tỷ lệ thu gom đạt 90%. CTR nguy hại của các cơ sở sản xuất kinh doanh chưa được thu gom triệt để và xử lý đạt yêu cầu. Toàn bộ CTR bệnh viện trên địa bàn quận đã tiến hành phân loại và thu gom.

### **2.2.2. Hiện trạng sử dụng nước sạch**

Theo số liệu cập nhật đến tháng 10 năm 2015, trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn có 15.954 hộ và 68.717 khẩu dùng nước thủy cục, chiếm tỷ lệ 95,23% số hộ được sử dụng nước sạch. Do đầu tư mở rộng và quy hoạch khớp nối hệ thống chưa đồng bộ, nên hệ thống cấp nước chưa đảm bảo lưu lượng và áp lực nước. Theo tính toán đến năm 2018 nhu cầu sử dụng nước thủy cục là 19.000 hộ và 90.000 khẩu.

### **2.2.3. Hiện trạng phát triển diện tích cây xanh đô thị**

Bên cạnh việc chỉnh trang đô thị thì việc đầu tư cho hạng mục cây xanh cũng được quan tâm đúng mức, đồng bộ. Tuy nhiên, mật độ che phủ cây xanh vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu về cảnh quan và bóng mát đường phố.

Ngoài ra, UBND quận Ngũ Hành Sơn cũng đã lồng ghép hoạt động của Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2014 vào thực hiện thí điểm đề án Xã hội hóa cây xanh, triển khai trên một phần tuyến đường Lê Văn Hiến.

### **2.2.4. Các vấn đề môi trường khác**

Quận Ngũ Hành Sơn là quận phát triển mạnh về du lịch, không có các khu công nghiệp nên tình trạng ô nhiễm do khu công nghiệp không có. Tuy nhiên, trên địa bàn quận tồn tại Làng đá mỹ nghệ Non Nước với bề dày hàng trăm năm lịch sử, với hơn 500 hộ sản xuất. Khu sản xuất cũ nằm xen lẫn trong khu dân cư, mang tính tự phát nên gây ô nhiễm môi trường không khí, nước đáng kể do quá trình điêu khắc phát sinh bụi đá và nước thải xen lẫn bụi đá...

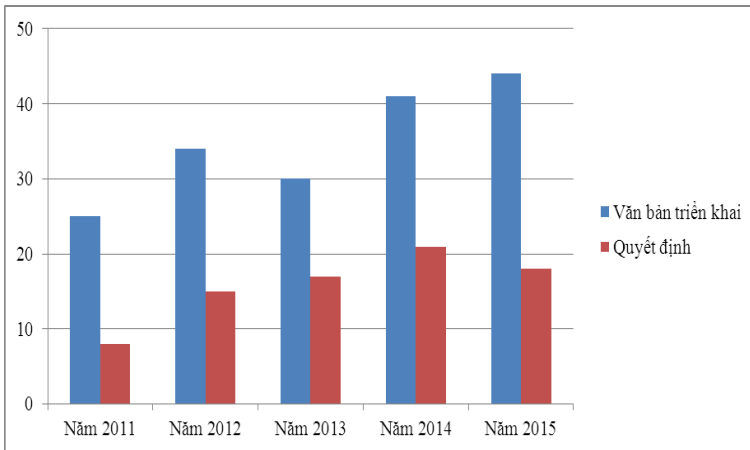
## **2.3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN**

### **2.3.1. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về môi trường**

Với chức năng nhiệm vụ của mình, hằng năm UBND quận đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện như Chỉ thị, các công văn, kế hoạch về tổ chức thực thi nhiệm vụ, các quyết định như: Quyết định về ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, thi đua thực hiện Phong trào Ngày Chủ nhật Xanh - Sạch - Đẹp; quyết định thành lập Đoàn kiểm tra công tác BVMT; thành lập Tổ kiểm tra, thẩm định thực hiện mô hình “Tổ dân phố không rác”; quyết định xử

phạt vi phạm hành chính các cơ sở... Đồng thời, quận đã tiến hành rà soát, hệ thống hóa, tự kiểm tra văn bản để phát hiện các sai phạm về hình thức và nội dung.

Bên cạnh đó, nhằm định hướng xây dựng quận Ngũ Hành Sơn phát triển ngày càng bền vững, hài hòa với mục tiêu phát triển KT - XH và bảo vệ môi trường sinh thái, tiến tới đạt chuẩn quận môi trường vào năm 2020, góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng Đà Nẵng trở thành thành phố môi trường vào năm 2020. UBND quận đã ban hành một số văn bản chỉ đạo, triển khai tổ chức nhiệm vụ BVMT trên địa bàn quận cũng như cụ thể hóa các văn bản của Chính phủ, UBND thành phố trong công tác QLNN về môi trường.



***Biểu đồ 2.1. Số lượng các văn bản quản lý về môi trường được ban hành của quận Ngũ Hành Sơn (tính đến tháng 11/2015)***

*(Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Ngũ Hành Sơn)*

### **2.3.2. Xây dựng đề án, kế hoạch về BVMT**

Nhìn chung, các kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến công tác BVMT trên địa bàn quận được ban hành kịp

thời, nội dung đồng bộ ở tất cả các khâu: chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra và đôn đốc quá trình triển khai thực hiện; trong đó có phân công trách nhiệm, nhiệm vụ rõ ràng đối với từng cơ quan, đơn vị; quy định cụ thể thời gian triển khai và hoàn thành, quy định nguồn vật lực để tổ chức thực hiện và cả các biện pháp khen thưởng, kỷ luật,... đã phục vụ tốt hơn trong công tác BVMT của địa phương.

### **2.3.3. Tổ chức thực hiện công tác BVMT**

#### ***a. Tổ chức đăng ký bản cam kết BVMT***

Việc đăng ký bản cam kết BVMT trên địa bàn quận thực hiện theo Nghị định 29/2011/NĐ-CP của Chính phủ. Các thủ tục, quy trình tiếp nhận hồ sơ được thực hiện tại Phòng Tài nguyên và môi trường của quận.

**Bảng 2.3. Tình hình đăng ký bản cam kết BVMT trên địa bàn quận giai đoạn 2011- 2015**

*DVT : Hộ*

Nội dung	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Tổng
	2011	2012	2013	2014	2015	
Đăng ký	63	76	95	112	134	480
Xác nhận	51	68	77	98	131	425

*(Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Ngũ Hành Sơn)*

#### ***b. Quản lý và xử lý chất thải***

##### ***- Thoát nước và xử lý nước thải***

Hệ thống nước mưa trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn hiện nay được xử lý thoát theo 2 hướng chính. Đối với các khu vực dọc theo chiều dài bờ biển được thu gom, thoát ra biển thông qua hệ thống cửa xả. Đối với các khu vực còn lại, hệ thống nước mưa được thải ra sông Cổ Cò và sông Vĩnh Điện thông qua hệ thống kênh mương hiện trạng. Nhìn chung, hệ thống thoát nước trên địa bàn quận Ngũ Hành

Sơn hiện nay được kết hợp chung giữa hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt.

*- Thu gom và xử lý chất thải rắn*

Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTR tại quận Ngũ Hành Sơn được đầu tư khá đồng bộ trong những năm gần đây. Cùng với sự phát triển của thành phố, chất thải rắn gia tăng nhanh chóng. Ước tính toàn quận thải ra khoảng 70 tấn CTR mỗi ngày, tỷ lệ thu gom đạt 90%, lượng rác còn lại được nhân dân xử lý bằng cách đốt, chôn, lấp, thải vào các ao, hồ, sông...

***c. Kiểm soát ô nhiễm làng nghề***

Đối với việc xử lý nước thải, hiện nay Khu Làng nghề tập trung đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng cũng như Trạm xử lý nước thải tập trung sẵn sàng tiếp nhận các cơ sở vào sản xuất, đảm bảo xử lý được các vấn đề về ô nhiễm nước thải.

Đối với việc xử lý ô nhiễm bụi, hiện nay Khu Làng nghề đã được trồng các vành đai cây xanh bao bọc xung quanh khu sản xuất, cách ly khu sản xuất với khu dân cư hạn chế được tình trạng bụi phát tán ra khu dân cư. Tuy nhiên, trong khu sản xuất thì việc ô nhiễm bụi vẫn nghiêm trọng do bụi không được thu gom xử lý từ nguồn phát sinh nên việc phát tán ra môi trường không khí.

***d. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về BVMT và nâng cao nhận thức BVMT***

Nhìn chung, thời gian qua, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường trên địa bàn quận được triển khai thường xuyên và kịp thời. Hình thức tuyên truyền đa dạng, nguồn lực đầu tư cho hoạt động nêu trên được tăng cường. Qua đó, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của cộng đồng dân cư về trách nhiệm tham gia giữ gìn và bảo vệ môi trường sống, ý



thức chấp hành pháp luật về BVMT, nhiều vấn đề môi trường đã được xử lý, giải quyết; phần lớn chất thải đã được thu gom và xử lý; hoạt động của làng nghề và các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ...Tuy nhiên, việc nâng cao nhận thức người dân còn hạn chế, vẫn còn một số bộ phận người dân chưa có ý thức và trách nhiệm trong việc giữ gìn, BVMT.

### **2.3.4. Thanh tra, kiểm tra giám sát và xử lý vi phạm về môi trường**

#### ***a. Thanh tra, kiểm tra giám sát xử lý vi phạm và các điểm nóng về môi trường***

Hằng năm, UBND quận lập các đoàn thanh tra, kiểm tra nhằm nhắc nhở việc chấp hành các quy định về BVMT, đặc biệt tại Khu vực Làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước. Bên cạnh đó, kịp thời kiểm tra giám sát đối với các địa phương có các điểm nóng, phản ánh kiến nghị về ô nhiễm môi trường, thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát hiện trạng môi trường các điểm nóng trên địa bàn quận như Làng đá mỹ nghệ Non Nước, các bãi biển, các lô đất trống tại phường Mỹ An, Khuê Mỹ, Hòa Hải.

***Bảng 2.7. Tình hình xử phạt hành chính các vi phạm về BVMT tại quận Ngũ Hành Sơn giai đoạn 2011-2015***

Năm	Số trường hợp bị nhắc nhở	Xử lý vi phạm	
		Số vụ	Số tiền phạt (Đồng)
2011	194	13	37.000.000
2012	77	7	21.000.000
2013	62	7	19.000.000
2014	65	11	24.500.000
2015	252	5	72.000.000
Tổng	650	43	173.500.000

*(Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Ngũ Hành Sơn)*

***b. Thanh tra trách nhiệm QLNN về BVMT và giải quyết khiếu nại, tố cáo về MT***

Tổ chức thanh tra giám sát trách nhiệm quản lý môi trường đối với công chức Địa chính – Môi trường của mỗi phường. Kiểm tra giám sát sự kịp thời của lãnh đạo địa phương trong công tác BVMT. Bên cạnh đó, thanh tra phối hợp với các ban ngành trong việc giám sát phân bổ và quản lý sử dụng ngân sách cho BVMT hàng năm.

Năm 2015 xử lý 17 đơn thư thuộc thẩm quyền và UBND các phường xử lý các phản ánh, đơn thư thuộc thẩm quyền. Tăng 340% so với năm 2014 (xử lý 05 đơn thư, kiến nghị). Nguyên nhân do người dân được tiếp cận với nhiều kênh thông tin phản ánh, đường dây nóng...

**2.4. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG CỦA QUẬN NGŨ HÀNH SƠN THỜI GIAN QUA**

**2.4.1. Đánh giá chung**

***a. Thành tựu***

- Công tác ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về môi trường của quận Ngũ Hành Sơn đã kịp thời, tập trung vào các vấn đề ô nhiễm nghiêm trọng như di dời của các hộ sản xuất đá mỹ nghệ vào Làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước.

- Các kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến công tác quản lý, BVMT được ban hành kịp thời, nội dung đồng bộ ở tất cả các khâu: chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra và đôn đốc quá trình triển khai thực hiện.

- Quản lý việc tổ chức thực hiện công tác BVMT đạt được những kết quả nhất định :

+ Thông qua công tác tổ chức đăng ký bản cam kết BVMT đã

tạo được mối liên hệ ràng buộc về mặt pháp lý, buộc người dân phải có những biện pháp nhằm giảm thiểu các hoạt động gây ô nhiễm môi trường.

+ Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trong những năm qua được đầu tư khá đồng bộ, mạng lưới thu gom phát triển.

+ Quan trọng nhất là quận đã tập trung giải quyết được bài toán ô nhiễm môi trường tại Làng nghề thủ công đá mỹ nghệ Non Nước tồn tại từ nhiều năm nay.

+ Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự chung tay của cộng đồng, công tác QLNN về BVMT trên địa bàn quận đã có chuyển biến tích cực, nhất là công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân được quan tâm, triển khai thực hiện thường xuyên; với nhiều hình thức tuyên truyền phong phú góp phần nâng cao ý thức của người dân trong việc thực hiện các chính sách về BVMT.

- Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện, nghiêm túc, phối hợp với các hoạt động tuyên truyền, nhắc nhở góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của tổ chức, công dân đối với việc BVMT trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh về công tác thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính.

### ***b. Tồn tại, hạn chế***

- Việc ban hành các văn bản quản lý môi trường chưa có sự phân cấp rõ ràng giữa cấp quận và phường, đồng thời chưa có sự phối hợp giữa các cấp, các ngành. Nhiều quy định còn chung chung, chưa được chặt chẽ.

- Về công tác xây dựng Đề án, kế hoạch BVMT chưa có quy

mô dài hạn đáp ứng được sự phát triển và phát triển bền vững trong tương lai.

- Dự án thu gom, xử lý rác, nước thải sinh hoạt đến nay vẫn chưa vận hành như dự kiến do đó các cống dọc theo bờ biển vô tư xả nước thải ra biển gây ô nhiễm môi trường, có hiện tượng nước đô thị thải ra biển bốc mùi hôi.

- Tỷ lệ hộ kinh doanh, dự án tham gia đăng ký bản cam kết BVMT còn thấp. Công tác tổ chức, tuyên truyền tham gia vào công tác này còn chưa đồng bộ, chưa triệt để.

- Quản lý, xử lý CTR còn nhiều hạn chế. Hầu hết CTR sinh hoạt ở đô thị và nông thôn chưa được phân loại tại nguồn. Chất thải nguy hại chưa được quản lý tốt, thiếu công nghệ, thiết bị nên xử lý kém hiệu quả, tiêu hủy chưa an toàn.

- Công tác kiểm soát ô nhiễm Làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước vẫn chưa triệt để, trong khu sản xuất đá thì việc ô nhiễm bụi vẫn nghiêm trọng do bụi không được thu gom xử lý từ nguồn phát sinh nên việc phát tán ra môi trường không khí.

- Công tác vận động người dân tham gia các buổi tập huấn, tuyên truyền, lễ kỷ niệm và tham gia các phong trào đôi khi đạt tỷ lệ còn thấp. Bên cạnh đó, việc nâng cao nhận thức người dân còn chưa đạt được hiệu quả cao.

- Công tác thanh tra kiểm tra chưa được triển khai thường xuyên, còn nhiều thiếu sót, chưa triệt để và thiếu kiên quyết trong việc xử lý vi phạm pháp luật về BVMT.

#### **2.4.2. Nguyên nhân tồn tại**

- Một số văn bản pháp luật về BVMT vẫn còn nhiều bất cập, có sự chùng chéo giữa các văn bản pháp lý của Trung ương và địa phương, gây khó khăn trong triển khai thực hiện.

- Bộ máy QLNN về môi trường vẫn chưa đồng bộ và thống nhất giữa các cấp, chưa tương xứng với chức năng, nhiệm vụ được giao. Đội ngũ cán bộ làm công tác QLNN về BVMT thiếu về số lượng, yếu về chất lượng. UBND các phường không có cán bộ chuyên trách về công tác BVMT.

- Nguồn vốn đầu tư cho công tác quản lý môi trường chưa đáp ứng được yêu cầu. Tình trạng sử dụng nguồn chi thường xuyên cho sự nghiệp môi trường chưa đúng mục đích, chưa hiệu quả, còn dàn trải. Việc huy động các nguồn lực trong xã hội còn hạn chế.

- Hạ tầng kỹ thuật, thiết bị và công nghệ xử lý, BVMT còn thiếu, lạc hậu, yếu, không đồng bộ.

- Sự phối hợp giữa các bên liên quan trong tổ chức thực hiện chính sách BVMT còn chưa thật chặt chẽ để tạo hiệu ứng tổng hợp.

- Luật pháp chưa có chế tài, ràng buộc trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia ký cam kết BVMT khi không chấp hành theo quy định của pháp luật.

- Người dân chưa nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của công tác BVMT, chưa biến nhận thức, trách nhiệm thành hành động cụ thể.

- Các cơ chế, chính sách về BVMT của Nhà nước chưa thật sự đồng bộ và hoàn chỉnh gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện.

- Lực lượng thanh tra, kiểm tra còn quá mỏng lại chưa có sự phối chặt chẽ giữa các lực lượng với Phòng Tài nguyên và môi trường và các ban, ngành, đơn vị liên quan.

**CHƯƠNG 3**  
**GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI**  
**TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN,**  
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP**

**3.1.1. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quận đến năm 2020**

*a. Mục tiêu tổng quát*

*b. Mục tiêu cụ thể*

**3.1.2. Định hướng và mục tiêu trong công tác QLNN về môi trường trên địa bàn quận trong thời gian đến**

*a. Định hướng*

“Xây dựng quận Ngũ Hành Sơn trở thành *quận môi trường*, đô thị du lịch, dịch vụ kiểu mẫu và là trung tâm dịch vụ nghỉ dưỡng giáo dục – đào tạo, y tế chất lượng cao, phát triển kinh tế tri thức công nghệ cao, phát huy thế mạnh phát triển Làng nghề đa mỹ nghệ truyền thống; có môi trường tự nhiên và môi trường xã hội lành mạnh” (Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ quận Ngũ Hành Sơn lần thứ V, nhiệm kỳ 2015 – 2020).

*b. Mục tiêu*

➤ *Mục tiêu tổng quát*

Nâng cao hiệu quả QLNN về môi trường cảnh quan đô thị nhằm xây dựng quận Ngũ Hành Sơn trở thành quận thân thiện môi trường, phát triển hài hòa kinh tế - xã hội và BVMT sinh thái, đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng môi trường đất, nước, không khí; tạo môi trường xanh - sạch - đẹp tại các khu dân cư; tạo môi trường sống trong lành cho người dân, thu hút các nhà đầu tư và du khách khi đến

với quận Ngũ Hành Sơn; góp phần xây dựng Đà Nẵng trở thành thành phố môi trường vào năm 2020.

➤ *Mục tiêu cụ thể đến năm 2020*

- Ngăn ngừa, kiểm soát ô nhiễm tại các khu dân cư; các khu vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ; khu vực ven sông, biển; các hồ... trên địa bàn quận; nâng cao nhận thức cộng đồng về BVMT, trở thành thói quen, nếp sống của nhân dân, đảm bảo 100% các cơ sở sản xuất, thương mại có cam kết về BVMT;

- Chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, bão lũ; kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, khoáng sản, xả thải vào nguồn nước đạt tỷ lệ xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường 80%, thu gom chất thải rắn trong khu dân cư đạt tỷ lệ thu gom 100%;

- Lồng ghép các nội dung BVMT vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quận Ngũ Hành Sơn. Nâng cao năng lực QLNN về BVMT, phấn đấu đến năm 2020 có 100% cán bộ quản lý cấp quận và phường được bồi dưỡng kiến thức QLNN về môi trường;

- Nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo, điều hành công tác quản lý về môi trường tại địa phương, phấn đấu giảm dần số vụ vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn quận.

- Xã hội hóa các hoạt động BVMT và huy động sự tham gia của các tổ chức kinh tế, hội đoàn thể chính trị - xã hội và của cả cộng đồng vào các hoạt động BVMT trên địa bàn quận.

## **3.2. CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN**

### **3.2.1. Hoàn thiện việc ban hành và cụ thể hóa các văn bản quản lý BVMT phù hợp với điều kiện địa phương**

Cần tiếp tục xây dựng và ban hành kịp thời các văn bản nhằm cụ thể hóa các quy định chính sách BVMT của cấp trên phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương

Phòng Tư pháp quận chủ trì phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, Công an quận rà soát các văn bản quy định về công tác BVMT không còn phù hợp, trên cơ sở đó tham mưu cho UBND quận sớm ban hành văn bản phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đảm bảo đúng quy định của Luật BVMT năm 2014 theo hướng phát triển bền vững, xây dựng “quận môi trường”.

### **3.2.2. Đẩy mạnh công tác xây dựng đề án, kế hoạch về BVMT**

Định kỳ hằng năm và 5 năm, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ về BVMT. xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; kế hoạch về việc tăng cường công tác QLNN và hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên môi trường...

#### **3.2.3. Tăng cường thực hiện công tác BVMT**

- a. Đẩy mạnh thực hiện công tác đăng ký cam kết BVMT*
- b. Nâng cao chất lượng quản lý và thu gom chất thải rắn*
- c. Đẩy mạnh công tác kiểm soát ô nhiễm làng nghề*
- d. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về BVMT*



### **3.2.4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm**

Xử phạt nghiêm minh đối với những cơ sở, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, buộc các cơ sở gây ô nhiễm phải thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm và tiến hành cải cách các thủ tục hành chính trong công tác thanh tra xử lý các vi phạm của đối tượng

Triển khai tiếp tục xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các điểm nóng về môi trường nhất là ở Khu Làng nghề Non Nước.

Phát triển lực lượng cảnh sát kinh tế thuộc Công an quận, thường xuyên kiểm tra, thanh tra, xử lý để ngăn chặn các sự cố môi trường và tội phạm môi trường theo thẩm quyền.

### **3.2.5. Một số giải pháp khác**

## **3.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN**

### **3.3.1. Tăng cường năng lực tài chính**

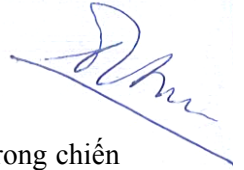
### **3.3.2. Tăng cường năng lực liên kết**

*- Tăng cường sự tham gia của các bên liên quan khác trong thực hiện quản lý BVMT*

*- Nâng cao năng lực liên kết của các tổ chức, cá nhân trong thực hiện công tác BVMT*

### **3.3.3. Tăng cường năng lực cán bộ**

### **3.3.4. Tăng cường năng lực công nghệ**



## KẾT LUẬN

QLNN về môi trường là một nội dung quan trọng trong chiến lược và kế hoạch phát triển bền vững của mỗi một địa phương. Nếu không đặt đúng vị trí của BVMT thì không thể đạt được mục tiêu phát triển và từng bước nâng cao đời sống của nhân dân. Thực tế cho quản lý về BVMT là một nhân tố quan trọng trong bảo đảm cho việc sử dụng các nguồn tài nguyên một cách hợp lí và luôn giữ được môi trường ở vị trí cân bằng.

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hoá ngày nay thì sự phát triển bền vững phải dựa trên ba yếu tố cấu thành là kinh tế, xã hội và môi trường, đây là xu hướng chung của thế giới, các quốc gia châu Á và Nhà nước ta. Do vậy, từ những đánh giá về thực trạng các vấn đề môi trường, Vì vậy, việc chú trọng công tác BVMT là một nhu cầu cấp bách, cần thiết góp phần trong sự phát triển bền vững của thành phố Đà Nẵng trong thời gian đến, đồng thời đảm bảo chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn quận.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá công tác QLNN về môi trường tại quận Ngũ Hành Sơn thời gian qua, luận văn đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác này trong thời gian tới. Các giải pháp này sẽ ngăn chặn về cơ bản tốc độ gia tăng ô nhiễm môi trường, khắc phục tình trạng suy thoái; đáp ứng các yêu cầu về môi trường trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của quá trình toàn cầu hoá; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, xây dựng Ngũ Hành Sơn trở thành quận phát triển hài hòa kinh tế-xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần xây dựng Đà Nẵng trở thành thành phố môi trường vào năm 2020.